

Số: **H655** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **15** tháng **9** năm **2023**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể
Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới An Thịnh – Mê Linh**
Địa điểm: thuộc các xã Tiên Phong, Đại Thịnh, Thanh Lâm
và thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019); Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố quy định về tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quy hoạch phân khu đô thị N1 tỷ lệ 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/2/2013;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 22/5/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt địa điểm, phạm vi lập dự án đầu tư, quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới do Công ty TNHH Đầu tư An Thịnh làm chủ đầu tư tại huyện Mê Linh;

Căn cứ Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thu hồi đất để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Khu đô thị mới do Công ty TNHH Đầu tư An Thịnh làm chủ đầu tư tại các xã: Đại Thịnh, Tiên Phong, Thanh Lâm và thị trấn Quang Minh - huyện Mê Linh;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới An Thịnh - Mê Linh do Công ty TNHH đầu tư xây dựng An Thịnh làm chủ đầu tư tại huyện Mê Linh;



Căn cứ Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cho phép đầu tư dự án Khu đô thị mới An Thịnh tại huyện Mê Linh do Công ty TNHH đầu tư xây dựng An Thịnh làm chủ đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 174-TB/BCSD ngày 15/5/2023 về Kết luận của Ban cán sự Đảng UBND Thành phố về việc xem xét kết quả báo cáo, rà soát dự án đầu tư và chấp thuận chủ trương Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới An Thịnh – Mê Linh, huyện Mê Linh;

Căn cứ Văn bản số 2517-CV/VPTU ngày 03/7/2023 của Văn phòng Thành ủy về việc thẩm quyền xem xét đối với Tờ trình số 207-TTr/BCSD ngày 23/6/2023 của Ban cán sự Đảng UBND Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4301/TTr-QHKT-BSH+HTKT ngày 06/9/2023 và Báo cáo thẩm định số 4302/BC-QHKT-BSH+HTKT ngày 06/9/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết với các nội dung chính như sau:

1. Tên Nhiệm vụ đồ án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới An Thịnh – Mê Linh.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô nghiên cứu:

a) Vị trí: Thuộc địa giới hành chính các xã Tiên Phong, Đại Thịnh, Thanh Lâm và thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

b) Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:

- Phía Đông Bắc và Đông trùng với chỉ giới tuyến đường quy hoạch (mặt cắt ngang 24m).

- Phía Tây trùng với chỉ giới tuyến đường quy hoạch (mặt cắt ngang 20,5m).

- Phía Tây Nam giáp với Khu đô thị Cienco 5.

- Phía Nam trùng với chỉ giới tuyến đường quy hoạch (mặt cắt ngang 24m).

c) Quy mô:

- Tổng diện tích đất nghiên cứu quy hoạch khoảng: 80,62 ha.

- Quy mô dân số quy hoạch dự kiến khoảng 4.666 người.

(Quy mô diện tích, ranh giới, dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập lập đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới An Thịnh - Mê Linh, tuân thủ đồ án Quy hoạch phân khu đô thị N1 được duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành).

3. Mục tiêu và nguyên tắc điều chỉnh:

a) Mục tiêu:

- Triển khai cụ thể hoá Quy hoạch phân khu đô thị N1, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/02/2013.

- Nghiên cứu kế thừa nội dung quy hoạch và dự án đầu tư đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận.

- Xây dựng một khu đô thị đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, hài hòa với không gian kiến trúc cảnh quan các khu vực lân cận. Khớp nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực.

- Xác định chức năng sử dụng đất phù hợp với tính chất và định hướng phát triển đô thị của khu vực. Cân đối các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Quy hoạch phân khu đô thị N1, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, làm cơ sở để nghiên cứu lập, quản lý dự án đầu tư theo quy định, đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, nguồn lực thực hiện, kiểm soát phát triển và quản lý đô thị.

b) Nguyên tắc điều chỉnh:

Tuân thủ chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật của Quy hoạch phân khu đô thị N1 được duyệt; Đảm bảo cân đối hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Quy chuẩn và Tiêu chuẩn hiện hành.

4. Tính chất và chức năng khu vực lập quy hoạch:

a) Tính chất: Khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

b) Chức năng: Đất cây xanh thành phố, đất công cộng khu ở, đất cây xanh TDTT khu ở, đất công cộng đơn vị ở, đất trường THCS, đất trường tiểu học, đất trường mầm non, đất nhóm nhà ở xây dựng mới, đất bãi đỗ xe và đất đường giao thông.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

Căn cứ Quy hoạch phân khu đô thị N1, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, dự kiến áp dụng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật như sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu			
		4.666 người (*)			
A	Dân số quy hoạch				
B	Chỉ tiêu sử dụng đất				
		Chỉ tiêu (m ² /người)	Tầng cao (tầng)	MĐXD (%)	
1	Đất cây xanh, TDTT đô thị		0-1	0-5	Đảm bảo chỉ tiêu, quy mô diện tích phù hợp với QHPK N1 và Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành
2	Đất công cộng đô thị		3-21	20-40	
3	Đất đơn vị ở				
	- Đất công cộng	1 m ² /người	3-5	20-40	
	- Đất cây xanh	2 m ² /người	0-1	0-5	
	- Đất trường Trung học cơ sở	0,55 m ² /người	2-3	14-35	
	- Đất trường Tiểu học	0,65 m ² /người	2-3	14-35	
	- Đất trường mầm non	0,6 m ² /người	2-3	14-40	
C	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật				
1	Giao thông				
1.1	Tỷ lệ đất đường giao thông	Tuân thủ theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành			
1.2	Bãi đỗ xe tập trung	Phù hợp với Quy hoạch phân khu đô thị N1 và Quy hoạch bến bãi xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.			
1.3	Bãi đỗ xe bản thân công trình	+ Đối với công trình nhà ở chung cư, công trình công cộng, dịch vụ đô thị...: bố trí diện tích đỗ xe đảm bảo đáp ứng nhu cầu bản thân công trình và hỗ trợ một phần nhu cầu của khu vực xung quanh theo chỉ tiêu được xác định tại Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND Thành phố. + Đối với đất trường học (nhà trẻ, tiểu học) đảm bảo nhu cầu theo Tiêu chuẩn chuyên ngành.			
2	Cấp nước				
	- Nước sinh hoạt	180 lít/người-ngày đêm			
	- Nước phục vụ trường học	25 (l/cháu.ngày)			
	- Nước phục vụ trường mầm non	100(l/cháu.ngày)			
	- Nước công cộng, dịch vụ	4 (l/m ² sàn.ngày)			
	- Nước tưới vườn hoa, công viên	3 (l/m ² .ngày)			

TT	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu
	- Nước rửa đường	0,5 lít/m ² – ngày đêm
3	Cấp điện	
	- Điện sinh hoạt	3 - 5 kw/hộ
	- Trường học	0,15kw/m ² sàn
	- Nhà trẻ	0,2 kw/cháu
	- Điện công cộng, dịch vụ	0,045 kw/m ² sàn
	- Điện đường phố, cây xanh	10 kw/Ha
4	Thoát nước thải và vệ sinh môi trường	
4.1	Thoát nước thải sinh hoạt, công cộng	Lấy bằng chỉ tiêu cấp nước
4.2	Tiêu chuẩn thải chất thải rắn sinh hoạt	1,3 kg/người-ngày
5	Thông tin liên lạc	
	- Thuê bao sinh hoạt	2 máy/ hộ
	- Thuê bao công trình công cộng	1 máy/ 200 m ² sàn
	- Thuê bao trường học, nhà trẻ	15 máy/trường
	- Khu cây xanh, di tích, bãi đỗ xe, khu đất HTKT	5 máy/trường

Ghi chú:

(*): Dân số tính toán phù hợp theo Quy hoạch phân khu đô thị N1. Để đảm bảo phát triển đô thị bền vững, đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu phát triển Thành phố tương lai theo quy định, áp dụng chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở cho khu vực nghiên cứu khoảng 35m²/người để tính toán dự trù về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đất nhóm nhà ở cho phù hợp.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản sẽ được tính toán cụ thể trong đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết 1/500, phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, các quy định pháp luật hiện hành, Quy hoạch phân khu đô thị N1.

6. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch:

a) Yêu cầu về công tác điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập số liệu:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, dân cư, xã hội, hiện trạng các công trình kiến trúc, cảnh quan, công trình hạ tầng kỹ thuật,...

- Thu thập các số liệu thống kê dân số, nhà ở, đồ án, dự án và hệ thống các tài liệu liên quan khác trong khu vực nghiên cứu.

b) Các yêu cầu về quy hoạch kiến trúc:

- Khớp nối quy hoạch và các dự án đã và đang triển khai trong khu vực, đảm bảo đồng bộ về quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật. Khớp nối về chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan với các dự án đầu tư, đồ án quy hoạch và các khu vực dân cư lân cận; kiến trúc cảnh quan hệ thống cây xanh thành phố, cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở, nhóm nhà ở.

- Tuân thủ các yêu cầu về cụ thể hóa quy hoạch phân khu đã xác định tại Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất và trục đường phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và Quy hoạch phân khu đô thị N1 được duyệt; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có). Tách riêng đối với phần đất đã giao và phần đất nằm ngoài dự án (phần đất để khớp nối).

- Xác định quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố; đảm bảo quỹ đất dành cho các dự án hạ tầng và phục vụ nhu cầu địa phương. Nghiên cứu, làm rõ việc đáp ứng chỉ tiêu phát triển nhà ở thương mại theo mục tiêu đến năm 2030 theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ tại khu vực dự án và tại đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết.

- Đối với khu vực nghĩa trang hiện có: Cần đưa ra các giải pháp trước mắt và lâu dài phù hợp với định hướng của Quy hoạch phân khu đô thị N1.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa giữa khu vực dự án với cảnh quan thiên nhiên và khu vực lân cận, tạo được các điểm nhấn kiến trúc ở các vị trí có tầm nhìn tại các tuyến đường chính trong khu vực. Tạo không gian kiến trúc hiện đại, môi trường sống tiện nghi, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên trong khu đô thị.

- Thiết kế đô thị theo Thông tư số 06/2013/TT - BXD ngày 13/05/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng.

c) Các yêu cầu về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường cấp nội bộ, khảo sát, đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư xây dựng để có cơ sở điều chỉnh, khớp nối cho phù hợp. Cụ thể bao gồm các nội dung sau:

+ Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất.

+ Xác định mạng lưới đường giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), tính toán các chỉ tiêu giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chuyên ngành về vị trí, quy mô, bến bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm) nếu có để đảm bảo phục vụ nhu cầu giao thông khu vực.

+ Xác định lưu vực thoát nước, mạng lưới thoát nước, nguồn tiếp nhận nước mặt, vị trí, quy mô các công trình đầu mối tiêu thoát chính (nếu có); Xác định quy mô, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với tuyến kênh thoát nước trong khu vực nghiên cứu đảm bảo tuân thủ theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

+ Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô trạm bơm nước, bể chứa; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết.

+ Xác định lượng nước thải, rác thải, mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải; vị trí bố trí xây dựng nhà vệ sinh công cộng.

+ Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị; vị trí, quy mô các trạm sạc điện, trạm cung cấp năng lượng (nếu có).

+ Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc.

+ Xác định các yêu cầu về phân loại, thu gom chất thải rắn, vị trí tập kết chất thải rắn, vị trí bố trí xây dựng nhà vệ sinh công cộng.

+ Quy hoạch không gian ngầm đô thị: Xác định vị trí, quy mô, nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, giải pháp kết nối đối với công trình ngầm (nếu có) gồm: Công trình công cộng ngầm, công trình xây dựng có bố trí tầng hầm, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngầm; các tuyến hạ tầng kỹ thuật có bố trí đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuyen nen kỹ thuật theo lô đất; Việc xác định các khu vực không gian ngầm đô thị phải đảm bảo tuân thủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với định hướng Quy hoạch phân khu đô thị N1, Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết

định số 913/QĐ-UBND ngày 15/3/2022.

+ Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường: Đánh giá hiện trạng môi trường, chất thải rắn, nước thải, khí thải...; phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường. Đề xuất các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch; đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

d) Xác định nội dung dự kiến các công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực lập Quy hoạch chi tiết.

e) Các dự án ưu tiên đầu tư: Đề xuất danh mục, thứ tự các dự án để tập trung nguồn lực đầu tư, tạo điều kiện sớm thúc đẩy phát triển đô thị trong khu vực nghiên cứu, phù hợp với quy hoạch ngắn hạn và lâu dài.

g) Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

h) Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết: Nội dung theo quy định tại Khoản 3, Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và các sơ đồ kèm theo.

7. Nội dung và thành phần hồ sơ:

Thành phần và nội dung hồ sơ sản phẩm quy hoạch được lập theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 và Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; Tuân thủ các quy định của Quy hoạch phân khu đô thị N1 được duyệt và các Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, các quy định của chuyên ngành về PCCC, môi trường, các quy định khác có liên quan và Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới An Thịnh – Mê Linh được Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác nhận.

8. Dự toán kinh phí:

Kinh phí lập quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Thịnh thực hiện theo các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị.

9. Tiến độ thực hiện:

Thời gian hoàn thành lập đồ án quy hoạch: 06 tháng tính từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt (không kể thời gian xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan và thời gian thẩm định và trình duyệt).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Thịnh.
 - Cơ quan thẩm định, trình duyệt quy hoạch: Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội.
 - Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
 - Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm tổ chức kiểm tra xác nhận Thuyết minh Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phù hợp với Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố. Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Thịnh chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng tiến độ và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý quy hoạch, đầu tư và xây dựng; phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ngành có liên quan, UBND các xã Tiên Phong, Đại Thịnh, Thanh Lâm, thị trấn Quang Minh, UBND huyện Mê Linh và các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư khu vực để tiến hành nghiên cứu triển khai theo quy định hiện hành.

- Chủ tịch UBND huyện Mê Linh, Chủ tịch UBND các xã Tiên Phong, Đại Thịnh, Thanh Lâm, thị trấn Quang Minh và các đơn vị có liên quan phối hợp với Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Thịnh và đơn vị tư vấn thiết kế trong quá trình khảo sát hiện trạng, cập nhật các dự án có liên quan, tổ chức xin ý kiến của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư làm cơ sở nghiên cứu lập đồ án quy hoạch chi tiết đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, chất lượng, đáp ứng tiến độ theo yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Mê Linh, Chủ tịch UBND các xã Tiên Phong, Đại Thịnh, Thanh Lâm và thị trấn Quang Minh; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Thịnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP (đề b/c);
- PCT UBND TP Dương Đức Tuấn;
- Các PCT UBND TP;
- VPUBTP: PCVP V.T. Anh;
các phòng: ĐT, KT, TH;
- Lưu: VT..

1030 (11)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn

PHÓ CHỦ TỊCH